

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CNTP

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/7/2023

Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116222001	Tổng Ngọc	30/09/2002	Nam	7,5	4,4	6,0	001			
2	116222002	Nguyễn Thị Ngọc	23/10/2004	Nữ	8,0	7,8	7,9	002			
3	116222005	Võ Hoàng	13/06/2004	Nam	8,0	3,8	5,9	003			
4	116222006	Ngô Thị Thúy	13/12/2004	Nữ	5,0	6,0	5,5	004			
5	116222007	Nguyễn Minh	19/12/2004	Nam	7,5	4,4	6,0	005			
6	116222008	Hứa Trần Đức	22/11/2004	Nam	7,0	4,6	5,8	006			
7	116222011	Nguyễn Thị Thanh	09/02/2004	Nữ	8,5	6,2	7,4	007			
8	116222012	Nguyễn Hoàng	13/04/2004	Nam	8,0	6,4	7,2	008			
9	116222013	Kim Thị Ngọc	28/07/2004	Nữ	7,5	5,4	6,5	009			
10	116222014	Trà Thị Xuân	28/07/2004	Nữ	8,0	5,8	6,9	010			
11	116222016	Phùng Thanh	04/01/2004	Nam	7,5	5,0	6,3	011			
12	116222017	Hồ Thị Yến	14/11/2004	Nữ	8,0	5,2	6,6	017			
13	116222018	Hà Mộng	24/05/2004	Nữ	8,0	6,8	7,4	013			
14	116222019	Hà Thị Tuyết	11/04/2004	Nữ	8,0	5,0	6,5	014			
15	116222020	Đoàn Lê Hằng	20/11/2004	Nữ	7,5	4,2	5,9	015			
16	116222023	Huỳnh Thị Tố	30/01/2004	Nữ	9,0	6,4	7,7	016			
17	116222024	Nguyễn Bích	17/10/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	017			
18	116222025	Võ Văn	17/07/2004	Nam	9,0	4,4	6,7	018			
19	116222027	Trần Trang	26/03/2004	Nữ	8,0	5,2	6,6	019			
20	116222028	Sơn Trần Đức	22/11/2004	Nam	7,5	4,4	6,0	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CNTP

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/8/2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116222029	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	20/12/2004	Nữ	9,0	5,6	7,3	001	Thơ		
2	116222030	Trần Thị Thanh Thoảng	09/04/2004	Nữ	9,0	4,8	6,9	002	Thanh		
3	116222031	Son Ngọc Anh Thư	01/06/2004	Nữ	8,0	3,6	5,8	003	Anh		
4	116222032	Nguyễn Thị Kiều Tiên	10/03/2004	Nữ	9,0	3,8	6,4	004	Tiên		
5	116222034	Nguyễn Thị Huyền Trân	06/09/2004	Nữ	7,0	5,8	6,4	005	Huyền		
6	116222035	Trương Thị Mỹ Trinh	14/10/2004	Nữ	8,0	4,6	6,3	006	Trinh		
7	116222037	Lương Ngọc Minh	25/02/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	007	Minh		
8	116222039	Trần Thị Anh Thư	16/05/2004	Nữ	9,0	4,4	6,7	008	Anh		
9	116222040	Trần Thị Hồng Nhi	04/08/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	009	Hồng		
10	116222042	Nhan Phương Quyên	14/08/2004	Nữ	8,0	4,2	6,1	010	Quyên		
11	116222043	Lê Thị Kim Thanh	04/06/2004	Nữ	9,0	7,0	8,0	011	Kim		
12	116222044	Phạm Trần Mỹ Yên	12/11/2004	Nữ	9,0	4,6	6,8	012	Yên		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá:

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CNOTB

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25 / 07 / 2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118022015	Kiên Sơn Tấn Đạt	31/08/2004	Nam	7,0	3,2	5,1	001	<i>[Signature]</i>		
2	118022050	Nguyễn Bảo Khương	03/03/2003	Nam	7,5	4,4	6,0	002	<i>[Signature]</i>		
3	118022051	Bùi Nhật Lâm	18/05/2004	Nam	7,5	6,2	6,9	003	<i>[Signature]</i>		
4	118022052	Huỳnh Tấn Lộc	24/09/2004	Nam	6,5	5,2	5,9	004	<i>[Signature]</i>		
5	118022053	Nguyễn Huỳnh Lộc	20/11/2004	Nam	7,0	4,2	5,6	005	<i>[Signature]</i>		
6	118022056	Trần Dương Phúc Lộc	16/07/2004	Nam	7,0	4,0	5,5	006	<i>[Signature]</i>		
7	118022057	Phạm Quốc Lợi	26/05/2004	Nam	7,0	3,8	5,4	007	<i>[Signature]</i>		
8	118022058	Trần Tự Lợi	20/10/2004	Nam	6,5	4,4	5,5	008	<i>[Signature]</i>		
9	118022060	Nguyễn Vũ Luân	28/08/2003	Nam	7,0	—	—	—	—		
10	118022062	Kim Lâm Hoàng Minh	15/10/2004	Nam	7,0	—	—	—	—		
11	118022065	Nguyễn Thái Ngọc	02/09/2003	Nam	7,0	4,2	5,6	011	<i>[Signature]</i>		
12	118022066	Đỗ Khánh Nguyên	01/09/2004	Nam	—	—	—	—	—		
13	118022069	Kiên Thành Nhân	16/03/2004	Nam	8,5	3,2	5,9	013	<i>[Signature]</i>		
14	118022071	Lê Minh Nhí	21/03/2004	Nam	7,0	5,8	6,4	014	<i>[Signature]</i>		
15	118022072	Lê Minh Nhật	01/01/2004	Nam	7,5	3,0	5,3	015	<i>[Signature]</i>		
16	118022073	Lê Trọng Phúc	22/05/2004	Nam	7,5	4,0	5,8	016	<i>[Signature]</i>		
17	118022074	Trần Hoài Phúc	17/07/2004	Nam	7,5	2,6	5,1	017	<i>[Signature]</i>		
18	118022080	Lê Minh Sang	09/07/2004	Nam	—	—	—	—	—		
19	118022083	Đào Hữu Tài	18/12/2003	Nam	7,0	4,4	5,7	019	<i>[Signature]</i>		
20	118022085	Nguyễn Hồng Tâm	28/11/2004	Nam	7,5	4,2	5,9	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Anh Phi*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*
Pom, Pom, Pom

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CNOTB

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: tn.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25 / 7 / 2023

Phòng thi: 02.1.10.3.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118022086	Thạch Minh Tâm	10/11/2004	Nam	7,5	—	—	—	—	—	Vắng
2	118022088	Tổng Việt Tân	01/11/2004	Nam	7,0	3.6	5,3	005	<u>Tân</u>	—	—
3	118022089	Tô Quốc Thái	28/07/2004	Nam	7,0	4.2	5,6	006	<u>Thái</u>	—	—
4	118022093	Nguyễn Chánh Tín	30/03/2003	Nam	7,5	5.0	6,3	007	<u>Tín</u>	—	—
5	118022095	Văn Thanh Trắng	04/01/2004	Nam	8,5	3.8	6,2	008	<u>Trắng</u>	—	—
6	118022096	Phạm Thanh Triều	01/08/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	Vắng
7	118022097	Đỗ Thị Phương Trinh	17/09/2004	Nữ	7,0	4.8	5,9	010	<u>Trinh</u>	—	—
8	118022098	Nguyễn Lâm Trường	17/04/2004	Nam	5,0	5.6	5,3	011	<u>Trường</u>	—	—
9	118022099	Huỳnh Văn Tuấn	27/06/2004	Nam	7,0	3.6	5,3	012	<u>Tuấn</u>	—	—
10	118022102	Huỳnh Thế Văn	11/02/2004	Nam	5,0	3.8	4,4	013	<u>Văn</u>	—	—
11	118022103	Huỳnh Thanh Vạn	27/09/2004	Nam	7,0	3.6	5,3	014	<u>Vạn</u>	—	—
12	118022104	Kim Tha Vi	13/10/2004	Nam	7,5	6.2	6,9	015	<u>Vi</u>	—	—
13	118022106	Nguyễn Khởi Vinh	01/03/2004	Nam	7,0	4.2	5,6	016	<u>Vinh</u>	—	—
14	118022107	Nguyễn Kha Vỹ	10/04/2004	Nam	6,5	—	—	—	—	—	Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Ths Cao Dương Phương Lan

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

25/7
D71.103

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CNOTA
CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: T.N.....
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
25 / 07 / 2023
Phòng thi: D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118022004	Trần Quốc An	12/07/2004	Nam	8,0	4.0	6,0	002	An		
2	118022027	Nguyễn Khánh Duy	31/07/2002	Nam	6,0	3.6	4,8	003	Kh		
3	118022033	Thạch Hùng	07/10/2004	Nam	6,0	2.8	4,4	004	H		
4	118022037	Nguyễn Gia Huy	14/01/2004	Nam	6,0	3.6	4,8	005	Thu		
5	118022039	Thạch Ngọc Huy	21/06/2004	Nam	/	/	/	/	/		vắng
6	118022041	Nguyễn Tuấn Kha	10/08/2004	Nam	6,0	3.4	4,7	007	Kha		
7	118022043	Nguyễn Trường Khang	30/01/2004	Nam	/	/	/	/	/		vắng
8	118022048	Đỗ Đăng Khoa	06/06/2004	Nam	6,0	4.0	5,0	009	Khoa		
9	118022108	Nguyễn Tấn Đạt	22/06/2004	Nam	6,0	4.8	5,4	010	D		
10	118022115	Trần Huy Tính	20/02/2004	Nam	6,0	5.2	5,6	011	T		
11	118022116	Nguyễn Phúc Phương Trí	26/10/2004	Nam	7,0	4.6	5,8	012	Ph		
12	118022117	Nguyễn Nhật Trường	24/11/2004	Nam	6,0	4.6	5,3	013	T		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bé Tư

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bé Tư

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CNSH

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2023

Phòng thi: D21.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117722001	Nguyễn Viết Khánh Hưng	10/12/2004	Nam	7,5	6.0	6,8	014			
2	117722003	Nguyễn Như Quỳnh	01/11/2004	Nữ	8,5	5.2	6,9	015			
3	117722004	Lê Thị Phương Thảo	27/12/2004	Nữ	8,5	4.8	6,7	016			
4	117722006	Trần Hữu Hậu	24/12/2004	Nam	7,5	6.4	7,0	017			
5	117722007	Huỳnh Hải Long	09/06/2004	Nam	9,0	4.4	6,7	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bé Tư

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bé Tư

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22DB

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....25...../.....7...../.....2023.....

Phòng thi: D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622137LT	Lê Thị Anh Thi	04/11/1999	Nữ	9,0	5.6	7,3	019	Thi		
2	115622138LT	Nguyễn Hữu Bích Vy	13/09/2000	Nữ	9,5	6.2	7,9	020	VL		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....02.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....02.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....*Trần Văn Bé Tư*.....

Điểm QT:.....50%.....; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày ..28.. tháng ..7.. năm ..2023..

Cán bộ ghi điểm:.....*Sơn Sơn La*.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....*Nguyễn Thị Lành*.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA18TH

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25 / 7 / 2023

Phòng thi: D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114318007	Sơn Nhi Khang	25/06/2000	Nam	<u>9,5</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>đúng</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: /....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bé Tư

Điểm QT: 10%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22CK

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

...../...../.....

Phòng thi: D21.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111822004	Đào Đan	Thanh	23/01/2004	Nam	—	—	—	002	—		Văn
2	111822010	Nguyễn Hoàng	Giang	21/11/2004	Nam	—	2.4	1,2	002	—		
3	111822028	Kiên Ngọc	Thạch	21/08/2003	Nam	7,5	3.4	5,5	003	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: *La Cao Lương Phương Lan*

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%.....

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *Son Son La*

Cán bộ kiểm tra: *La*

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22YKB

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TTT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2023

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022286LT	Nguyễn Thị Mỹ Lan	01/01/1993	Nữ	9,5	5,8	7,7	001	<u>Nguyễn Thị Mỹ Lan</u>		
2	116022294LT	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/08/1995	Nữ	9,0	6,4	7,7	002	<u>Nguyễn Thị Hồng Nhung</u>		
3	116022295LT	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	28/10/1992	Nữ	9,5	5,6	7,6	003	<u>Nguyễn Thị Ngọc Quyền</u>		
4	116022296LT	Thái Hồ Giang Sang	20/04/1994	Nữ	9,5	3,6	6,6	004	<u>Thái Hồ Giang Sang</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Đoàn Ngọc Phương

Điểm QT: 50%, Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đoàn Ngọc Phương
Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đoàn Ngọc Phương

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22YKC

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TTX

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2023

Phòng thi: 071.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022297LT	Võ Phú Tấn	23/04/1995	Nam	9,5	3,2	6,4	005	<u>Real</u>		
2	116022299LT	Thái Thanh Trà	09/04/1995	Nam	9,5	5,4	7,5	006	<u>Trà</u>		
3	116022301LT	Nguyễn Trọng Ánh	30/11/1994	Nam	9,5	4,2	6,9	007	<u>Ánh</u>		
4	116022304LT	Nguyễn Đại Cọp	27/09/1990	Nam	9,5	4,6	7,1	008	<u>Cp</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ coi thi 2:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22YKD
CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
25/7/2023
Phòng thi: D71-104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116022309LT	Huỳnh Thị Thùy Dương	24/07/1990	Nữ	9,5	4,0	6,8	009			
2	116022311LT	Nguyễn Văn Kía	02/01/1991	Nam	9,5	5,8	7,7	010			
3	116022312LT	Phạm Thị Khương Linh	01/01/1994	Nữ	9,5	4,4	7,0	011			
4	116022316LT	Trần Thanh Phi	27/04/1995	Nam	9,5	2,4	6,0	012			
5	116022317LT	Trương Hoàng Phong	10/02/1993	Nam	9,5	4,8	7,2	013			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05
Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22YKE

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2023

Phòng thi: D81-104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022319LT	Đào Hoàng Linh Tâm	27/10/2002	Nam	9,5	3,4	6,5	014	<u>h</u>		
2	116022323LT	Cao Thị Kim Thùy	13/03/1990	Nữ	9,5	4,6	7,1	015	<u>ah</u>		
3	116022324LT	Nguyễn Thị Thùy Tiên	19/08/1996	Nữ	9,5	6,2	7,3	016	<u>h</u>		
4	116022328LT	Bùi Diệu Uyên	30/09/1999	Nữ	8,5	4,2	6,4	017	<u>h</u>		
5	116022329LT	Lý Kỳ Yến	26/08/1998	Nữ	9,5	4,4	7,0	018	<u>h</u>		
6	116022330LT	Nguyễn Thị Kiều Loan	08/02/1992	Nữ	9,5	3,8	6,7	019	<u>h</u>		6,7

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1: Đào Ngã T. Lành

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

25/7

1771.105

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22NNTQ

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TTV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2023

Phòng thi: DT1.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118722021	Trần Thị Mỹ Nhân	14/04/1989	Nữ	8,5	7,0	7,8	001	<u>my</u>		
2	118722022	Nguyễn Ngọc Như	06/07/2004	Nữ	8,5	5,8	7,2	002	<u>ng</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Lành

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn

Sơn Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22THB

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: KT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25 / 8 / 2023

Phòng thi: D31.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322048	Huỳnh Thị Ngọc	Luận	10/09/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	003	<u>Ngọc</u>	
2	114322211	Nguyễn Nhật	Minh	22/02/2004	Nữ	8,5	5,8	7,2	004	<u>Minh</u>	
3	114322256	Nguyễn Thị Minh	Thư	26/03/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	005	<u>Thư</u>	
4	114322259	Phan Thị Thanh	Thúy	29/02/2004	Nữ	8,5	5,6	7,1	006	<u>Thúy</u>	
5	114322262	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	28/02/2004	Nữ	9,0	5,2	7,1	007	<u>ngtr</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Cán bộ coi thi 1: Đạt Nguyễn Thị Lành

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đạt

Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đạt

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA22YKA

CBGD: Trần Văn Bé Tư (20944)

Hình thức đánh giá: TTN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25 / 8 / 2023

Phòng thi: D71.10.5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022326LT	Trần Thiện Tri	26/03/1982	Nam	<u>9,0</u>	<u>3,8</u>	<u>6,4</u>	<u>008</u>	<u>A</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Thầy Nguyễn Thị Lành

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thầy Nguyễn Thị Lành

Thầy Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành